

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nam

2. Ông Lê Xuân Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2020 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; địa chỉ trụ sở: Số 198 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai Q - Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng giao dịch H - Chi nhánh Quảng Trị, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 128/UQ-UCB-QTR ngày 01/6/2020), có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh H; địa chỉ: Khóm 9, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh B; địa chỉ: Khóm 9, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Khóm 9, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần N (tên viết tắt là VCB) - Chi nhánh Quảng Trị đã ký Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 với anh Huỳnh H, số tiền được cấp tín dụng là 300.000.000 đồng, anh Huỳnh H đã nhận đủ tiền vay theo giấy nhận nợ số 01/137QT/HĐTD/2016UD547 ký ngày 12/5/2016. Thời hạn vay là 84 tháng. Mục đích: Sửa chữa nhà ở gắn liền với đất, lãi suất cố định 8,0%/năm trong vòng 01 năm. Sau 01 năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 26 của tháng cuối kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất nợ lãi quá hạn theo quy định của VCB công bố trong từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22/2, tờ bản đồ số 04; địa chỉ tại khóm 6, thị trấn H1, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là khóm 9, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614966 do UBND huyện H cấp ngày 05/01/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị M, được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 137QT/HĐTC/2016 ngày 11/5/2016 giữa VCB chi nhánh Quảng Trị và bên thế chấp là ông Huỳnh B và bà Nguyễn Thị M. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện H ngày 11/5/2016.

Theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng, vào ngày cuối hàng tháng, anh Huỳnh H phải trả cho VCB số tiền gốc đã được lập tại kế hoạch trả nợ và trả tiền lãi phát sinh vào ngày 26 hàng tháng.

Quá trình thu hồi nợ, từ khi vay tiền cho đến ngày 11/12/2019, anh Huỳnh H đã trả nợ vay theo cam kết. Tuy nhiên, sau đó anh H không tiếp tục trả nợ mặc dù VCB đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo để anh H, bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh H, bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 10/9/2020 tổng dư nợ của anh Huỳnh H là **218.251.190 đồng**, trong đó nợ gốc là 200.950.0000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.794.915 đồng, nợ lãi quá hạn là 506.275 đồng.

Vì vậy, VCB khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh Huỳnh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VCB theo Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 ký ngày 12/5/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2020 là: **218.251.190 đồng**, trong đó nợ gốc là 200.950.0000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.794.915 đồng, nợ lãi quá hạn là 506.275 đồng; buộc anh Huỳnh H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 ký ngày 12/5/2016 kể từ ngày 11/9/2020 cho đến ngày anh Huỳnh H trả hết nợ gốc cho VCB. Trường hợp anh Huỳnh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Toà án có hiệu lực thì VCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Huỳnh B và bà Nguyễn Thị M đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho VCB thì VCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kì tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Huỳnh H để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2020 bị đơn anh Huỳnh H đã thừa nhận toàn bộ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 13/3/2020 là 207.403.689, trong đó nợ gốc: 201.000.000 đồng, nợ lãi: 6.344.625 đồng, nợ lãi chậm trả: 59.064 đồng. Do hiện tại hoàn cảnh khó khăn, bản thân anh H chưa có việc làm ổn định nên xin trả nợ dần trong ba năm kể từ ngày 28/4/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H tiếp tục trả nợ cho VCB được số tiền gốc là 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng), ngoài ra anh không trả thêm được khoản tiền nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2020, ông Huỳnh B xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hoà giải và phiên tòa xét xử, giải quyết vụ án. Về khoản vay của anh Huỳnh H, ông Huỳnh B trình bày có điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp tài sản và đơn đăng ký thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay 300.000.000 đồng của anh Huỳnh H vay tại VCB chi nhánh Quảng Trị. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh Huỳnh H không trả được nợ thì ông Huỳnh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và đồng ý với quyết định của bà M, anh H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh H, ông Huỳnh B và bà Nguyễn Thị M gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, trong quá trình giải quyết vụ án không trình bày ý kiến gì và đã vắng mặt tại địa phương. Anh Huỳnh H và bà Nguyễn Thị M vắng mặt không có lý do tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hoà giải, phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 299, 318, 320, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Huỳnh H phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền vay còn nợ lại tính đến ngày 10/9/2020 là **218.251.190 đồng**, trong đó nợ gốc là 200.950.0000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.794.915 đồng, nợ lãi quá hạn là 506.275 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp anh Huỳnh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thì VCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Huỳnh B và bà Nguyễn Thị M đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho VCB thì VCB có quyền yêu

cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kì tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Huỳnh H để thu hồi nợ.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Huỳnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh B, bà Nguyễn Thị M như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa. Ông Huỳnh B xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Anh Huỳnh H và bà Nguyễn Thị M không có mặt theo các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, anh Huỳnh H và bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh H, ông Huỳnh B và bà Nguyễn Thị M.

[3] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 ký ngày 12/5/2016 giữa Ngân hàng TMCP N và anh Huỳnh H là hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và Hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết. Bên vay là anh Huỳnh H đã nhận được số tiền vay 300.000.000 đồng theo theo giấy nhận nợ số 01/137QT/HĐTD/2016UD547 ký ngày 12/5/2016 nên anh H phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 và kế hoạch trả nợ gốc kèm theo Hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận: nợ gốc trả định kỳ vào ngày cuối tháng, chia thành 84 tháng trả nợ, tháng trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 5/2016. Quá trình thu hồi nợ vay, từ tháng 05/2016 đến

tháng 12/2019 anh H đã trả được tổng số tiền gốc là 99.000.000 đồng theo kế hoạch trả nợ gốc, ngày 13/5/2020 anh H trả thêm được 50.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại số tiền gốc là 200.950.000 đồng. Anh H không trả được nợ đến hạn theo cam kết trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc vào ngày cuối hàng tháng, là đã vi phạm lịch trả nợ tại mục 4.2 Điều 4 của Hợp đồng và Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547. Căn cứ vào Điều 4, Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 ngày 12/5/2016; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc, buộc anh Huỳnh H phải trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là **200.950.000 đồng (hai trăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)** cho Ngân hàng TMCP N.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 ngày 12/5/2016, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 8,0%/năm cố định trong vòng 01 năm, sau một năm áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 26 tháng cuối kỳ. Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay cùng loại (cùng đối tượng, cùng kỳ hạn gốc của hợp đồng tín dụng) đang có hiệu lực do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi phạt nợ lãi quá hạn theo quy định của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ.

Trong quá trình từ tháng 5/2016 đến tháng 12/2019, cùng với việc trả nợ gốc thì anh Huỳnh H đã trả lãi với tổng số tiền là 89.263.896 đồng. Do trả gốc hàng tháng không đúng theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng và không tiếp tục trả nợ nên anh H phải chịu lãi suất nợ gốc quá hạn tương ứng với số ngày chậm trả nợ gốc theo cam kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020, anh Huỳnh H còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền lãi là **17.301.190 đồng** (mười bảy triệu ba trăm linh một ngàn một trăm chín mươi đồng), trong đó lãi trong hạn là 16.794.915 đồng, lãi quá hạn nợ gốc là 506.275 đồng. Mức lãi suất thả nổi sau một năm áp dụng lãi suất cố định đối với khoản vay của anh Huỳnh H là 10,5%/năm đã được anh Huỳnh H chấp nhận bằng việc thực hiện trả nợ theo mức lãi suất này từ tháng 6/2017 cho đến tháng 12/2019. Xét Hợp đồng tín dụng đã được xác lập và thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các Tổ chức Tín dụng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi, buộc anh Huỳnh H phải trả cho Ngân hàng TMCP N **17.301.190 đồng** tiền lãi và phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất cam kết tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp số 137QT/HĐTC/2016 ngày 11/5/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Quảng Trị và bên thế chấp là ông Huỳnh B và bà Nguyễn Thị M đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh

huyện H ngày 11/5/2016 theo đúng quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự. Nội dung hợp đồng thế chấp: Ông B và bà M thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản đã và sẽ đầu tư trên đất đã được UBND huyện Hải Lăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614966, cấp ngày 05/01/2006, thửa số 22/2, tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại khóm 6, thị trấn H1, huyện H, tỉnh Quảng Trị, diện tích 200m²; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị... để bảo đảm cho khoản vay của khách hàng là anh Huỳnh H không giới hạn ở nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547, có dư nợ gốc là 300.000.000. Như vậy, Hợp đồng thế chấp này đã tuân thủ các quy định về hình thức và nội dung nên Hợp đồng thế chấp này là hợp pháp.

Tại mục 7.1 Hợp đồng thế chấp xác định khi đến hạn trả nợ mà khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ thì xử lý tài sản thế chấp. Mục 7.6 của Hợp đồng thế chấp cũng xác định, nếu tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ của khách hàng đối với bên nhận thế chấp thì khách hàng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phần còn thiếu.

Qua xem xét, thẩm tại chỗ tài sản thế chấp thửa đất số 22/2, tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại khóm 6, thị trấn H1 (nay là khóm 9, thị trấn D), huyện H, tỉnh Quảng Trị được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614966 ngày 05/01/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị M, trên thửa đất có căn nhà cấp 4 và quán lợp tôn, không có ai tranh chấp.

Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP N yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh Huỳnh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án có hiệu lực là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kì tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Huỳnh H để thu hồi nợ.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn anh Huỳnh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điều Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc anh Huỳnh H phải trả cho Ngân hàng TMCP N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.00 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147; Điều 157, 158, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, 466, Điều 317, 318, 320, 298, 299 Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

Buộc anh Huỳnh H phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền: **218.251.190 đồng** (hai trăm mười tám triệu hai trăm năm một ngàn một trăm chín mươi đồng), trong đó tiền gốc là: 200.950.0000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020 là: 17.301.190 đồng .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Huỳnh H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 137QT/HĐTD/2016UD547 ký ngày 12/5/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Huỳnh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, **tài sản sẽ đầu tư trên đất** tại thửa đất số 22/2, tờ bản đồ số 04, địa chỉ tại khóm 6, thị trấn H1 (nay là khóm 9, thị trấn D), huyện H, tỉnh Quảng Trị được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614966 ngày 05/01/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị M theo Hợp đồng thế chấp số 137QT/HĐTC/2016 ngày 11/5/2016 để thu hồi toàn bộ tiền nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kì tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Huỳnh H để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Buộc anh Huỳnh H phải chịu **10.912.559 đồng** (mười triệu chín trăm mười hai ngàn năm trăm năm mươi chín đồng) án phí DSST.

Buộc anh Huỳnh H phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền **2.000.000 đồng** (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.025.000 đồng (năm triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2018/0002136 ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng

cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Đường sự;
- THADS Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh